

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SCT-CNTH

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2025

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết  
HĐND quy định nội dung và mức chi  
cho các hoạt động khuyến công địa  
phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Thực hiện Công văn số 261/UBND-TH ngày 08/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuẩn bị nội dung phiên họp UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026.

Sở Công Thương đã xây dựng xong dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (nhằm thay thế Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn). Để đảm bảo thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Công Thương trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị và địa phương nghiên cứu, tham gia ý kiến vào hai văn bản: (1) dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; (2) dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ý kiến tham gia góp ý 02 dự thảo của các cơ quan, đơn vị, địa phương bằng văn bản đề nghị gửi về Sở Công Thương **trước ngày 14/7/2025** để tổng hợp, hoàn thiện và báo cáo UBND tỉnh.

Với nội dung trên, Sở Công Thương trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện./.

(Gửi kèm dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- TTXTM (Đăng tải trên Công thông tin điện tử Sở Công Thương Thái Nguyên);
- Lưu VT, CNTH;

Thươnght.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Thọ**

Số /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2025

**DỰ THẢO**  
**(lần 1)**

## TỜ TRÌNH

### **Dự thảo Nghị quyết “Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết “Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nội dung quan trọng được Đảng ta quyết liệt chỉ đạo triển khai trong những năm qua nhằm sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nhận thức được công nghiệp nông thôn (CNNT) chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu của nền kinh tế. Do vậy, phát triển CNNT không chỉ trực tiếp góp phần phát triển ngành công nghiệp nói chung mà còn tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập của người dân ở khu vực nông thôn từ đó kéo theo dịch vụ phát triển, giảm bớt sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa thành thị và nông thôn, giữa các địa phương, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng thêm lượng hàng hóa và gia tăng tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Thấy rõ vai trò của CNNT, Đảng ta đã đề ra các chủ trương về phát triển công nghiệp ở khu vực nông thôn: Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khoá IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010; Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn..., xuất phát từ nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn Chính phủ đã thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, thực hiện nhiệm vụ này tỉnh Thái Nguyên cũng tập trung ban hành các chính sách hỗ trợ và cấp ngân sách hàng năm để hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực nông thôn cụ thể như sau:

Thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công (thay thế Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004) và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số

52/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 về việc ban hành Quy chế xây dựng, tổ chức thực hiện, sử dụng và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (được thay thế bởi Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên), UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 28/8/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 64/2024/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công trong đó tại Khoản 1, Điều 1, sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC quy định “1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, UBND cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình HĐND tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”. Trên cơ sở đó, HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh nên việc xây dựng Nghị quyết quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là hết sức cần thiết và đảm bảo điều chỉnh kịp thời về thẩm quyền, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với việc triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp sau khi sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện chính sách khuyến công địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thái Nguyên thực hiện 107 đề án, hỗ trợ cho trên 167 cơ sở công nghiệp nông thôn, kinh phí hỗ trợ 18,9 tỷ đồng; tỉnh Bắc Kạn thực hiện: 30 đề án, nhiệm vụ với kinh phí thực hiện 1,254 tỷ đồng.

Hoạt động khuyến công địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn tập trung có trọng tâm, trọng điểm cho các ngành nghề có thế mạnh của địa phương như chế biến nông lâm sản, đồ mộc mỹ nghệ, cơ khí, ... theo đúng định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động địa phương; góp phần to lớn trong xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực nông thôn.

Như vậy, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động khuyến công địa phương giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày

30/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên (*nay là Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên*); Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn (*nay là Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn*) thì việc xây dựng nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Do vậy, UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết **“Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”** trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là hết sức cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành dự thảo Nghị quyết**

Kịp thời xử lý đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với việc triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp sau khi sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn.

Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tỉnh Thái Nguyên phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nhằm phát huy nội lực của khu vực công nghiệp địa phương.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Đảm bảo phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết**

Trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương, UBND tỉnh có Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định “Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” gửi Thường trực HĐND tỉnh và được chấp thuận tại Công văn số ...../HĐND-VP về chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn. UBND tỉnh có Công văn số ...../UBND-CNNXD ngày ..... về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định “Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”

### **2. Soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị quyết**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Công Thương đã xây dựng hồ sơ Dự thảo Nghị quyết và có Công văn số ...../SCT-CNTH ngày ..... gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan; hết thời hạn lấy ý kiến, Sở Công Thương đã

nhận được ..... văn bản góp ý của các sở, ban, ngành; ..... văn bản góp ý của UBND các xã, phường. Các ý kiến này đã được Sở Công Thương nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo.

### **3. Thẩm định Dự thảo**

Ngày ..... Sở Công Thương có Công văn số ...../SCT-CNTH về thẩm định dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp, Ngày ..... Sở Tư pháp có Báo cáo số ...../BC-STP thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Công Thương chỉnh lý, hoàn chỉnh các nội dung của Dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên được quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên (*gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn*).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

### **3. Bố cục, nội dung của dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo được xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục I (*thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật, chữ viết hoa trong văn bản quy phạm pháp luật*) và Mẫu số 18 Phụ lục III (*mẫu Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định/Quy chế...*) ban hành tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 điều, cụ thể: Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh, Điều 2 quy định đối tượng áp dụng, Điều 3 quy định nguồn kinh phí cho hoạt động khuyến công địa phương, Điều 4 quy định nội dung chi hoạt động khuyến công địa phương, Điều 5 quy định mức chi cho hoạt động khuyến công địa phương

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết là nội dung Bộ Tài chính giao cho các địa phương ban hành mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương được chi từ ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách, do đó nguồn lực được đảm bảo khi Nghị quyết được ban hành.

*(Có Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên về “Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” gửi kèm theo)*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định “Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. UBND tỉnh xin kính trình HĐND tỉnh thảo luận, thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO**  
**(lần 1)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2:** Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Công Thương (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo)
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT,CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH****Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

**Điều 3. Nguồn kinh phí**

Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện; ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

**Điều 4. Nội dung chi cho các hoạt động khuyến công địa phương**

Nội dung chi hoạt động khuyến công địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Điều 4 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; khoản 2, khoản 3, Điều 1 Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

## **Điều 5. Mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương**

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách cho các hoạt động khuyến công địa phương phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Mức chi chung của hoạt động khuyến công địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và các văn bản hiện hành của nhà nước.

3. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp; mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

5. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

6. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 210 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

7. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm

trên cơ sở đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước: Mức hỗ trợ tối đa 80% giá thuê gian hàng.

8. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

10. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng đạt giải cấp tỉnh tối đa 3,5 triệu đồng/sản phẩm.

11. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn: Mức hỗ trợ tối đa 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

12. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

13. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

14. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.

15. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu, nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn

trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

16. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

17. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

18. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp: Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

19. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.600 triệu đồng/cụm công nghiệp.

20. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (đã được sửa đổi tại Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng).

b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

22. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Trung tâm khuyến công và các cơ sở công nghiệp nông thôn.

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

### 23. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công địa phương được giao hằng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được sử dụng tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có);

24. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ theo quy định hiện hành đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây./.